

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HS-PT

Ngày 25-5-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Giáp Bá Dự

*Các Thẩm phán:* Ông Phan Tiến Dũng;

Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thành Long – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:***  
Ông Tạ Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 19/2020/TLPT-HS ngày 24 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo Y, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2020/HS-ST ngày 17 tháng 2 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

***Bị cáo có kháng cáo:***

**Y**; sinh năm 1967 tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Thôn O , xã Ia B, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: Không đi học; dân tộc: Jarai; giới tính: Nữ; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông: S (đã chết) và bà P, sinh năm 1935; bị cáo có chồng là ông Y, sinh năm 1960 và có 06 người con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 31-1-2019 đến ngày 3-2-2019, được thay thế bằng biện pháp cho bảo lãnh. Hiện tại bị cáo đang tại ngoại.

**Bị cáo có mặt tại phiên tòa.**

**Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Nguyễn Hoàng Kim Loan - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai.

**Bà Loan có mặt.**

*Người tham gia tố tụng khác:* Người phiên dịch tiếng Jrai: Bà N; địa chỉ: Thôn 4, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Bà N có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1996, gia đình ông Nguyễn Ngọc M (sinh năm 1949, trú tại số 40 đường P, phường Hoa Lư, thành phố P, tỉnh Gia Lai) mua đất trồng cà phê tại địa phận thôn H, xã Ia B, huyện Đ, tỉnh Gia Lai và đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 186.532m<sup>2</sup>. Khi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất), ông M để những người thân trong gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận, cụ thể gồm: Nguyễn Ngọc Đ (con trai) đứng tên trên 2 giấy chứng nhận số 00018 với diện tích 50.000m<sup>2</sup> và số 27 với diện tích 49.399m<sup>2</sup>; Nguyễn Ngọc N (con trai) đứng tên trên giấy chứng nhận số 32 với diện tích 37.872m<sup>2</sup>; Nguyễn Thị Huệ T (con gái) đứng tên trên giấy chứng nhận số 34 với diện tích 39.261m<sup>2</sup> và vợ ông M là Nguyễn Thị H đứng tên trên giấy chứng nhận số CH000981 với diện tích 10.000m<sup>2</sup>.

Gia đình bị cáo Y có khu đất khai hoang giáp với khu vực rẫy cà phê của gia đình ông M. Năm 2007, gia đình bị cáo Y canh tác trồng cà phê (khoảng 7.000m<sup>2</sup>). Đến năm 2016, gia đình bị cáo Y gặp ông M xin khu đất trống giáp ranh (khoảng 500m<sup>2</sup>) để trồng mì và bắp thì được gia đình ông M đồng ý.

Đến năm 2018, bị cáo Y nghĩ rằng gia đình ông M đã lấn chiếm khu vực đất giáp ranh với rẫy cà phê của mình để trồng cà phê (khoảng 5000m<sup>2</sup>) nên đã gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã Ia B đề nghị giải quyết. Tuy nhiên, diện tích đất trên thuộc thửa 140 + 141, tờ bản đồ 58 tại thôn H, xã Ia B, huyện Đ đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Nguyễn Ngọc M nên UBND xã Ia B không giải quyết, dẫn đến việc bị cáo Y đã nhiều lần liên tiếp có hành vi chặt phá cà phê của gia đình ông M, cụ thể:

Vào sáng ngày 29-12-2018 và sáng ngày 31-12-2018, bị cáo Y một mình đi bộ vào khu vực rẫy cà phê của gia đình ông Nguyễn Ngọc M thuộc thửa 140 + 141, tờ bản đồ 58 thôn H, xã Ia B, huyện Đ dùng dao rựa để chặt đứt ngang thân cây cà phê. Đến chiều ngày 2-1-2019, những người làm thuê rẫy cho ông M phát hiện báo cho gia đình ông M biết và trình báo Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định có 106 cây cà phê bị chặt phá. Tuy nhiên, không xác định được thời gian và số lượng cây cà phê bị chặt phá trong từng ngày cụ thể.

Tiếp tục vào ngày 6-1-2019 và ngày 7-1-2019, bị cáo Y một mình đi bộ vào khu vực rẫy cà phê của gia đình ông Nguyễn Ngọc M thuộc thửa 140 + 141, tờ bản đồ 58 thôn H, xã Ia B, huyện Đ dùng dao rựa để chặt đứt ngang thân cây cà phê. Đến ngày 8-1-2019, gia đình ông M phát hiện trình báo Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định có 145 cây cà phê bị chặt phá. Qua khám nghiệm cũng không thể xác định được thời gian và số lượng cây cà phê bị chặt phá trong từng ngày cụ thể là bao nhiêu.

Đến ngày 23-1-2019, gia đình ông Nguyễn Ngọc M phát hiện cà phê của gia đình tại thửa 140 + 141, tờ bản đồ 58 thôn H, xã Ia B, huyện Đ tiếp tục bị chặt phá, ngã đổ nên trình báo Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường xác định có 191 cây cà phê bị chặt phá.

Tiếp tục vào sáng ngày 31-1-2019, bị cáo Y một mình đi bộ vào khu vực rẫy cà phê của gia đình ông Nguyễn Ngọc M thuộc thửa 140 + 141, tờ bản đồ 58 thôn H, xã Ia B, huyện Đ dùng dao rựa để chặt đứt ngang thân cây 24 cây cà phê. Khi bị cáo Y đang thực hiện hành vi chặt phá cà phê thì bị gia đình ông M phát hiện trình báo Công an xã Ia B lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang và giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiếp nhận, xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã thu giữ 1 cây dao rựa dài 63cm, có cán bằng tre, lưỡi bằng sắt do bị cáo Y giao nộp để làm căn cứ xử lý.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tổng hợp tổng số cây cà phê trong các lần bị chặt phá theo báo cáo của gia đình ông Nguyễn Ngọc M để trưng cầu định giá. Hội đồng định giá tài sản huyện Đ đã định giá và kết luận tổng giá trị tài sản bị hủy hoại 693 cây cà phê trên là 178.101.000 đồng.

Từ các căn cứ trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can đối với bị cáo Y về tội “*Hủy hoại tài sản*” theo quy định tại khoản 2 Điều 178 của Bộ luật hình sự để tiến hành điều tra xác minh.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Y không chấp nhận kết quả định giá vì cho rằng số lượng cây cà phê bị chặt phá quá nhiều so với thực tế và cây cà phê đã già cỗi, có cây không còn thu hoạch được. Bị cáo có yêu cầu kiểm tra lại hiện trạng số cây cà phê mà bị cáo đã chặt phá trên thực tế và tiến hành định giá lại. Ngày 17-5-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành xác định lại hiện trường cà phê bị chặt phá trên diện tích 2.426m<sup>2</sup>. Qua đó đã phát hiện số lượng 693 cây cà phê bị chặt phá theo yêu cầu định giá số 22 ngày 28-1-2019 là không đúng thực tế. Tổng số cây cà phê mà bị cáo Y đã chặt phá của ông Nguyễn Ngọc M trên thực tế được xác định là 275 cây. Bị cáo thực hiện hành vi chặt phá cà phê nhiều lần, trong nhiều ngày khác nhau nhưng không xác định được mỗi lần chặt là bao

hiều cây cà phê. Còn lại 191 cây cà phê bị chặt phá vào ngày 23-1-2019, hiện chưa xác định được người chặt phá.

Ngày 12-7-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành trưng cầu định giá lại đối với 275 cây cà phê mà bị cáo Y đã chặt phá của gia đình ông Nguyễn Ngọc M. Kết luận định giá số 45/HĐ-ĐG ngày 22-7-2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận 275 cây cà phê bị hủy hoại có tổng trị giá là 44.275.000 đồng.

### **Về dân sự:**

Trong quá trình điều tra, bị cáo Y và gia đình người bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại với số tiền 5.000.000 đồng. Bị cáo Y đã bồi thường số tiền này và người bị hại đã có đơn bãi nại và đề nghị miễn giảm trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2020/HSST ngày 17 tháng 2 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã quyết định:*

Tuyên bố bị cáo Y phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Y 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án . Được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ (từ ngày 31-1-2019 đến ngày 3-2-2019).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, tuyên nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 26-2-2020, bị cáo Y kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ kháng cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, cho bị cáo được hưởng án treo;
- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với sự phân tích, đánh giá của Tòa án cấp sơ thẩm về nội dung vụ án. Bị cáo chỉ kháng cáo xin được hưởng án treo, chứ không kháng cáo cho rằng mình không phạm tội. Vì vậy, có đủ cơ sở để khẳng định:

Từ ngày 29-12-2018 đến ngày 31-1-2019, bị cáo Y đã có hành vi dùng dao rựa chặt phá làm hư hỏng hoàn toàn 275 cây cà phê của gia đình ông Nguyễn Ngọc M, gây thiệt hại 44.275.000 đồng.

Với hành vi phạm tội của bị cáo, bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Gia Lai đã xét xử bị cáo về tội “*Hủy hoại tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự, là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản và quyền sở hữu của công dân là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, trong khoảng thời gian ngắn, bị cáo liên tục thực hiện hành vi hủy hoại tài sản của công dân, hành vi đó không những gây tâm lý hoang mang, lo lắng và bất bình trong quần chúng nhân dân, mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn, vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là cần thiết và việc làm đó mới đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo, nhưng tại giai đoạn phúc thẩm không phát sinh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, bị cáo cũng không chứng minh được có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo đáng được hưởng, mà Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm bị kháng cáo, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Y; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2020/HS-ST ngày 17 tháng 2 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Đối với bị cáo phạm tội : “ *Hủy hoại tài sản* ”

Xử phạt bị cáo Y 12 (mười hai) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án , được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ (từ ngày 31-1-2019 đến ngày 3-2-2019).

2. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Y phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Giáp Bá Dự**